

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày: 11 – 6 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ Số A – C, đường N1, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Đức Thạch D; nơi làm việc Số A – C, đường N1, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – *vắng mặt*).

1.2. Ông Cao Hồng S; nơi làm việc Số Ê, Đường G, Phường Q, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4048/2018/GUQ - PL ngày 10 tháng 12 năm 2018 – *vắng mặt*).

1.3. Ông Huỳnh Nghĩa N2; nơi làm việc Số I, Tổ K, đường M, Khóm O, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền lại của ông Cao Hồng S (Văn bản ủy quyền số 709/2019/UQ - CNVL ngày 18 tháng 9 năm 2019 – *có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1971; cư trú tại ấp N, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Nghĩa N2 trình bày:

Ngày 17/12/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh L – Phòng giao dịch B (gọi tắt là Ngân hàng T) cùng với bà Huỳnh Thị Ngọc H ký kết Giấy đề nghị vay vốn Kiêm hợp đồng tín dụng Kiêm giấy nhận nợ số LD 1835100372 kèm theo bản Các điều khoản chung về cấp tín dụng với nội dung: Ngân hàng T cho bà H vay số tiền 12.000.000 đồng; hình thức cho vay tín chấp; mục đích cho vay tiêu dùng; thời hạn cho vay 01 năm; lãi suất cho vay 26,4%/năm (365 ngày); phương thức trả nợ cố định chia đều 12 kỳ, mỗi kỳ trả số tiền 1.264.000 đồng (vốn 1.000.000 đồng, lãi 264.000 đồng) vào ngày 17 hàng tháng; trường hợp chậm trả gốc thì bên vay phải trả lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với phần nợ gốc quá hạn, trường hợp chậm trả lãi thì bên vay phải trả lãi suất bằng 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; ngoài ra còn thỏa thuận các trường hợp bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn khi bên vay vi phạm, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngày 17/12/2018, bà H được Ngân hàng T giải ngân nhận số tiền 12.000.000 đồng. Bà H trả nợ được 03 kỳ số tiền 3.792.000 đồng (vốn 3.000.000 đồng, lãi 792.000 đồng) nhưng đều thanh toán trễ hạn. Do ngoài khoản vay này, bà H còn vi phạm nghĩa vụ trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00892-00625 ngày 17/9/2018 cho Ngân hàng T. Căn cứ quy định tại tiêu mục 2.5 mục 2 Các điều khoản chung về cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng số LD 1835100372: “2. SCK được toàn quyền quyết định... chấm dứt cho vay và/hoặc thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: ...2.5. SCK nhận được thông tin Bên được cấp tín dụng có khoản nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán với các cá nhân, tổ chức khác...” Ngân hàng T ra thông báo số 61/2019/TB-PGDTB ngày 02/4/2019 về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn đối với bà H số tiền 9.264.000 đồng (vốn 9.000.000 đồng, lãi 264.000 đồng), thời hạn thu hồi nợ đến hết ngày 17/4/2019. Tuy nhiên, bà H chỉ trả được nợ kỳ thứ 04 số tiền 1.264.000 đồng (vốn 1.000.000 đồng, lãi 264.000 đồng) thì ngưng trả. Do đó, Ngân hàng T chuyển dư nợ gốc, dư nợ lãi phải trả từng kỳ trả nợ trong 08 kỳ còn lại sang nợ gốc quá hạn và tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc, lãi chậm trả trên dư nợ lãi chậm trả phát sinh thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 17/5/2019.

Tính đến ngày 11/6/2020, bà H nợ vay số tiền 12.758.871 đồng, trong đó: dư nợ gốc quá hạn 8.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 2.112.000 đồng; tiền lãi

quá hạn trên dư nợ gốc 2.471.474 đồng; tiền lãi chậm trả trên dư nợ lãi chậm trả 175.397 đồng.

Nay, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ vay tính đến ngày 11/6/2020 số tiền 12.758.871 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc 8.000.000 đồng bị quá hạn, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi 2.376.000 đồng chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/6/2020 cho đến khi trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

[3] *Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện, điều luật áp dụng và hướng giải quyết:*

[3.1] Việc thỏa thuận xác lập, thực hiện quan hệ cho vay tiêu dùng bằng hình thức tín chấp giữa Ngân hàng T với bà H trên cơ sở ký kết hợp đồng tín dụng ngày 17/12/2018 là đúng quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 4, 10, 12, 13, 18, 23, 30, 31 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong khoản vay khác của Ngân hàng T đã vi phạm quy định tại tiêu mục 2.5 mục 2 Các điều khoản chung về cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, Ngân hàng T thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn

đến hết ngày 17/4/2019 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Thực hiện thông báo, bà H chỉ trả thêm được số tiền 1.264.000 đồng (vốn 1.000.000 đồng, lãi 264.000 đồng) thì ngưng trả.

[3.3] Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T chuyển dư nợ gốc, dư nợ lãi phải trả phát sinh từng kỳ trong 08 kỳ còn lại sang nợ gốc quá hạn, tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc bị quá hạn, tính lãi chậm trả trên dư nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 17/5/2019; khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ vay tính từ ngày 17/5/2019 đến ngày 11/6/2020 số tiền 12.758.871 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc 8.000.000 đồng bị quá hạn, trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi 2.376.000 đồng chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/6/2020 cho đến khi trả xong nợ là đúng quy định tại các điểm b, c khoản 4 Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do đó, bà H phải có trách nhiệm trả nợ tiền vay và tiếp tục trả lãi tiền vay cho Ngân hàng T cho đến khi trả xong nợ.

[3.4] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mục [3.2], [3.3] Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết bà H phải nộp án phí tính tròn số tiền 637.944 đồng; hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 242.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điểm b, c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại T:

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại T số tiền 12.758.871 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi một) đồng.

1.2. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng bị quá hạn và trả lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ lãi số tiền 2.376.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn Kiêm hợp đồng tín dụng Kiêm giấy nhận nợ số LD 1835100372 kèm theo bản Các điều khoản chung về cấp tín dụng ký ngày 17 tháng 12 năm 2018 cho Ngân hàng Thương mại T. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2020 cho đến khi bà H trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp án phí số tiền 637.944 (sáu trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại T được nhận lại số tiền 242.000 (hai trăm bốn mươi hai nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0012480 ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Huỳnh Nghĩa N1 là người đại diện theo ủy quyền (không có quyền kháng cáo) của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại T. Vắng mặt bà Nguyễn Đức Thạch D là người đại diện theo pháp luật, ông Cao Hồng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại T; bà Huỳnh Thị Ngọc H là bị đơn. Báo cho bà D, ông S, bà H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + BD: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân